TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1065/2023/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 119 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 918/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần D, sinh năm 1976

HKTT: Số 695/10B, khóm T, phường M, Thành phố L, tỉnh A;

Địa chỉ liên lạc: Tổ 5, Ấp X, xã B, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

HKTT: Tổ 2, thôn Tr, xã BĐ, huyện TB, tỉnh QN;

Địa chỉ liên lạc: Tổ 5, Ấp X, xã B, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần D và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà L được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Tố Q, sinh ngày 01/11/2008 và Trần Thị Tố U, sinh ngày 21/01/2013. Ông D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bắt đầu thi hành từ ngày 04/9/2023 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D chậm giao tiền thì hàng tháng ông D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Ông D và bà L xác định không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông D và bà L xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông D và bà L mỗi người phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông D và bà L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0017926 ngày 28/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D và bà L đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Túy Phượng